

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 96/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *hs*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHTC (HoanTRH).



BỘ TRƯỞNG

hs
Nguyễn Hồng Diên

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-BCT ngày 6 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025, Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết trên với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

- Triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung phân công cho ngành Công Thương tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

- Các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Công Thương quán triệt, bám sát những nhiệm vụ, giải pháp được giao, chủ động và tích cực triển khai thực hiện với nỗ lực cao nhất để phân đấu hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Chính phủ giao cho ngành Công Thương năm 2025 và các nhiệm vụ cụ thể tại các Phụ lục kèm theo.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Tháo gỡ bất cập về pháp lý và thực thi trong thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực Công Thương

Chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền, các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, gồm: (i) Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương; (ii) các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; và (iii) Tổ công tác cải cách thủ tục hành

chính.

2. Nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.

- Chủ động rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét: (i) bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) sửa đổi, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp; (iii) bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội.

- Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Tháo gỡ các điểm nghẽn, xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút, chuyển giao, làm chủ công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên

- Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tập trung triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Quyết định số 116/QĐ-BCT ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Ưu tiên triển khai các hoạt động nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tiếp thu công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; (ii) Nâng cao nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao, làm chủ công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ chiến lược phục vụ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, nền tảng thuộc

phạm vi quản lý của Bộ; (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia trên thế giới dẫn đầu về các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược phục vụ phát triển ngành Công Thương.

- Đơn giản hóa, minh bạch hoá thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia

- Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hóa; (ii) Đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính; và (iii) Bám sát các yêu cầu cải cách tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Nhân rộng kinh nghiệm, chính sách tốt đã được chứng minh hiệu quả về cách thức quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như các nguyên tắc quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa được thông quan và lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với hàng hoá sau thông quan dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm quy định pháp luật.

- Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, thực chất thủ tục hành chính điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành liên quan.

5. Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

- Tập trung xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành

chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu.

- Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông cung cấp ở mức độ toàn trình.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ trung ương tới địa phương phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Công bố, công khai kịp thời các thủ tục hành chính, bao gồm các thủ tục hành chính nội bộ.

- Tăng trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh

- Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

- Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ về phát triển kinh doanh, sản xuất, thị trường, tuân thủ pháp luật...

- Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên gắn kết cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước với cơ quan thương vụ các nước. Đồng thời, hỗ trợ hàng hóa trong nước tiếp cận mạng lưới hệ thống bán lẻ tại nước ngoài.

- Kịp thời cập nhật, tuyên truyền, phổ biến về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Chủ động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành hàng; thị trường; quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác. Thực hiện hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho doanh nghiệp.

7. Rà soát, giảm số lượng các hoạt động thanh tra doanh nghiệp

Thực hiện rà soát kế hoạch thanh tra và điều chỉnh trong trường hợp thấy cần thiết để bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra và giữa hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm toán nhà nước; không làm cản trở hoạt động của doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Thứ trưởng

- Theo lĩnh vực phụ trách, bám sát các mục tiêu, yêu cầu thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chương trình hành động này thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các Đơn vị chức năng được giao phụ trách triển khai thực hiện.

- Bám sát cơ sở, tăng cường làm việc với các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát triển, bảo đảm hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ giao cho ngành Công Thương năm 2025.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ

- Xác định cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Chương trình hành động này.

- Tăng cường trách nhiệm; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình hành động; cập nhật, công khai các kết quả kiểm tra, giám sát; kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, giải pháp, nhiệm vụ phát sinh để cải thiện các chỉ số được phân công.

- Thường xuyên tổ chức đối thoại, trao đổi với người dân và doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách và giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Chủ động kết nối với các tổ chức quốc tế; tạo lập kênh phối hợp để cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin nhằm đánh giá, xếp hạng khách quan, chính xác.

- Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Tổ chức công tác truyền thông về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Căn cứ nhiệm vụ và yêu cầu công tác đề ra trong Chương trình này, kết hợp với nhiệm vụ của đơn vị mình xây Kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện phù hợp, đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bên liên quan trong tham mưu, đề xuất giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành các ngành, lĩnh vực và địa bàn được phân công phụ trách, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Vụ Kế hoạch – Tài chính

Đầu mỗi theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình hành động, báo cáo Lãnh đạo Bộ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Văn phòng Bộ

Chủ trì phối hợp với các Đơn vị truyền thông thuộc Bộ tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Chương trình hành động sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí về kết quả thực hiện Chương trình hành động./.

Phụ lục I

CÁC BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 337/QĐ - BCT ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Các bộ chỉ số quốc tế

| TT | Bộ chỉ số xếp hạng quốc tế | Bộ đầu mối theo dõi | Đơn vị đầu mối thuộc Bộ theo dõi | Thời gian |
|----|--|------------------------------|---|--|
| 1 | Phát triển bền vững (SDG) của UN | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững (khi có yêu cầu) | Theo thời gian công bố của các tổ chức quốc tế |
| 2 | Năng lực Đổi mới sáng tạo (GII) của WIPO | Bộ Khoa học và Công nghệ | Vụ Khoa học và Công nghệ | |
| 3 | Chính phủ điện tử (E-Government) của UN | Bộ Thông tin và Truyền thông | Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (khi có yêu cầu) | |
| 4 | An toàn an ninh mạng (GCI) của ITU | Bộ Thông tin và Truyền thông | Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (khi có yêu cầu) | |
| 6 | Hiệu quả logistics (LPI) của WB | Bộ Công Thương | Cục Xuất nhập khẩu | |

2. Các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần

| STT | Nhóm chỉ số/ chỉ số thành phần | Bộ, cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm | Đơn vị đầu mối thuộc Bộ theo dõi | Thời gian |
|-----|--|---------------------------------------|---|-----------|
| 1 | Chỉ số Hạ tầng công nghệ thông tin (thuộc GII) | Bộ Thông tin và Truyền thông | Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (khi có yêu cầu) | Hàng năm |
| 2 | Chỉ số Xuất khẩu dịch vụ ICT (thuộc GII) | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công (khi | |

| | | | | |
|---|--|-----------------------------|---|----------|
| | | | có yêu cầu) | |
| 3 | Chỉ số Chất lượng môi trường (thuộc GII) | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Cục Kỹ thuật và An toàn Môi trường công nghiệp (khi có yêu cầu) | Hàng năm |
| 4 | Chỉ số Thủ tục thông quan (thuộc LPI) | Bộ Tài chính | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công (khi có yêu cầu) | Hàng năm |

Phụ lục II

**CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN,
DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
DỊCH VỤ CÔNG**

*(Kèm theo Quyết định số 337/QĐ - BCT ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Chỉ tiêu năm 2025 | Cơ quan thực hiện |
|-----|--|--------|-------------------|--|
| 1 | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử | % | 100 | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công |
| 2 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa | % | Tối thiểu 50 | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công |
| 3 | Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn | % | 100 | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công |
| 4 | Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp | % | Tối thiểu 90 | Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công |